

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2017/DS-PT

Ngày: 14/12/2017

V/v bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thiện

Các Thẩm phán: Ông Vũ Viết Văn

Ông Mai Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Trịnh Thu Tân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 10/11/2017 và ngày 14/12/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2017/DSPT ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc “Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2017/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 317/2017/QĐ-PT ngày 20 tháng 10 năm 2017 và Thông báo mở lại phiên tòa số 801/TB-TA ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1940 và Bà Đinh Thị L, sinh năm 1951; Đều có HKTT: Thôn N, xã M, huyện P, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà L: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994; HKTT: huyện A, xã P, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn T: Anh Lương T. Đ, sinh năm 1989; Địa chỉ thường trú: tập thể A, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1971; HKTT: Thôn N, xã M, huyện P, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: UBND xã M, huyện P, Thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND xã M. Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm V. Đ - phó Chủ tịch UBND xã M. Có đơn xin xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị L trình bày: Vợ chồng ông, bà có thửa đất tại thôn N, xã M, huyện P, Thành phố Hà Nội, tờ bản đồ 04, thửa 505, diện tích 355m² đã được cấp GCNQSD đất mang tên bà L ngày 20/02/1996. Đầu năm 2015 ông T, bà L xây nhà (xây phần nửa) trong số thửa 505, giáp đất nhà anh Sao, anh Thuyết nhưng không có tranh chấp gì. Tuy nhiên khi xây tường rào khoảng 03m giáp ranh với thửa đất nhà anh Nguyễn Đình C thì phát sinh tranh chấp, chính quyền thôn, xã đến giải quyết nhưng không thành.

Đầu năm 2016 ông T, bà L tiếp tục xây dựng ngôi nhà thứ 2 (xây phần nửa ngoài) số thửa 505, giáp với đất nhà anh Nguyễn Đình C. Ngày 14/3/2016 ông T, bà L tiến hành giác móng để xây dựng ngôi nhà thì anh C ra cản trở, nhỏ cộc tiêu không cho giác móng dẫn đến hai bên cãi nhau, xảy ra tranh chấp nên gia đình ông T không tiến hành xây dựng được.

Hành vi nhỏ cộc tiêu của anh Nguyễn Đình C đã gây ra thiệt hại cho gia đình ông T, bà L. Nay ông, bà yêu cầu anh C phải bồi thường cho gia đình ông, bà là:

- + 20 cọc ép bê tông (dài 4m, rộng 20cm) là 28.000.000 đồng;
- + 151 cây sắt phi 18, dài 11m8 là 38.656.000 đồng;
- + 350 cây sắt phi 10, dài 11m8 là 24.500.000 đồng;
- + 15kg dây thép buộc là 300.000 đồng;
- + Tiền công giác móng là 7.000.000 đồng;
- + Tiền công theo hợp đồng ép cọc bê tông là 13.000.000 đồng;
- + Tiền công người trông nom quản lý ngày và đêm là 161.500.000 đồng;
- + Tiền 02 bạt phủ sắt là 2.200.000 đồng;
- + Tiền tổn thất tinh thần là 94.000.000 đồng.

Tổng là: 369.156.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi chín triệu một trăm năm sáu nghìn đồng*).

Bị đơn anh Nguyễn Đình C trình bày: Gia đình anh có thửa đất tại thôn N, xã M, huyện P, thành phố Hà Nội; số tờ bản đồ 04, số thửa 507a, diện tích 136m² giáp với nhà ông Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Văn Hà.

Tháng 2 năm 2015 gia đình ông T, bà L xây nhà trên thửa đất 505 giáp ranh với thửa đất nhà anh và nhà anh Thuyết. Trước khi xây nhà gia đình ông T có mời gia đình anh, gia đình anh Thuyết cùng chính quyền thôn ra để xác định mốc giới chuẩn giữa ba gia đình. Ba gia đình và chính quyền thôn đã xác định mốc giới chuẩn để gia đình ông T, bà L xây dựng nhà. Quá trình xây dựng nhà thì toàn bộ móng nhà giáp với phần đất nhà anh Thuyết và nhà anh là chuẩn mốc giới, tuy nhiên khi xây tường rào gia đình ông T đã xây sang phần đất nhà anh dẫn đến hai bên xảy ra tranh chấp; chính quyền thôn, xã và hai bên đã giải quyết nhưng không có kết quả.

Ngày 14/3/2016, ông T, bà L tiến hành giắc móng để xây dựng ngôi nhà thứ hai giáp với phần đất nhà anh. Ông T, bà L cho thợ giắc móng sang phần đất nhà anh dẫn đến hai bên xảy ra tranh chấp. UBND xã M ra thông báo 73/TB-UBND ngày 14/3/2016 về việc: Xây dựng trên đất của bà Đinh Thị L và ông Nguyễn Đình C. Sau khi nhận được thông báo của UBND xã, anh đã làm đơn khởi kiện ông T, bà L ra Tòa án nhân dân huyện P buộc ông T, bà L phải trả cho anh 3,431m² mà gia đình ông T, bà L đã lấn sang đất nhà anh. Tuy nhiên anh C chưa có tiền để đo đạc và định giá tài sản nên anh đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ vụ án.

Nay gia đình ông T, bà L yêu cầu anh phải bồi thường thiệt hại là 369.156.000 đồng, anh không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã M trình bày: Gia đình ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị L có thửa đất tại thôn N, xã M, huyện P, thành phố Hà Nội tờ bản đồ số 4, số 505 diện tích 335m² giáp thửa đất của gia đình anh Nguyễn Đình C thửa đất số 507a, diện tích 136m², tờ bản đồ số 4 tại thôn N, xã M, huyện P, thành phố Hà Nội. Đầu năm 2015 gia đình ông T, bà L tiến hành xây dựng nhà và tường rào giáp với phần đất nhà anh C thì xảy ra tranh chấp. Anh C có làm đơn đề nghị thôn, xã giải quyết nhưng hai bên không nhất trí với phương án hòa giải của UBND xã M.

Ngày 14/3/2016 gia đình ông T, bà L tổ chức giắc móng để ép cọc xây dựng nhà tại thửa đất số 505 (đang tranh chấp với gia đình anh C). Do hai bên gia đình đã xảy ra xô sát nên để đảm bảo an ninh tại địa phương, UBND xã M đã ra thông báo số 73/TB-UBND ngày 14/3/2016 về việc xây dựng trên đất của bà L, ông C với nội dung: “Không tiến hành bất cứ hoạt động xây dựng, sửa

chữa gì trên phần đất còn tranh chấp, việc xây dựng chỉ được thực hiện khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật...”.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2017/DS-ST ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội đã quyết định:

Bác yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị L.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 1/9/2017, ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện P. Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị L yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Giải quyết yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do anh Nguyễn Đình C có hành vi ngăn cản trái pháp luật gây ra như vật liệu xây dựng bị hỏng, thất thoát; yêu cầu những người liên quan (liên đới) phải có mặt đầy đủ trong phiên tòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn anh Nguyễn Đình C trình bày: Anh không đồng ý bồi thường cho gia đình ông T, bà L vì gia đình ông, bà tiến hành xây dựng trên phần đất đang có tranh chấp, và anh không có lỗi.

- Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích của ông T, bà L trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; không định giá làm rõ giá trị thiệt hại tài sản; và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm để giải quyết lại.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của gia đình ông T, bà L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; yêu cầu của các bên đương sự;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Thửa đất của gia đình ông T, bà L đã được UBND huyện P, Hà Tây cấp GCNQSD đất số E 00639754 ngày 20/2/1996 chủ sử dụng là bà L được sử dụng 355m² đất ở, thuộc thửa đất số 505, tờ bản đồ số 4 - Thôn N, xã M, huyện P; Liên kề ranh giới phía Tây Bắc của thửa đất bà L là thửa đất gia đình anh Nguyễn Đình C. Anh Nguyễn Đình C là chủ sử dụng diện tích 136m² đất, thuộc thửa đất số 507a, tờ bản đồ 04, thuộc thôn N, xã M, Pdo UBND huyện P cấp GCNQSD đất số BS 852818.

Tháng 2/2015 gia đình bà L đã tiến hành xây nhà phần phía trong của thửa đất, khi xây tường rào giáp ranh giới đất anh C thì hai bên xảy ra tranh chấp. UBND xã đã tiến hành hòa giải 2 lần không thành vào các ngày 2/12/2015 và 06/1/2016.

Ngày 14/3/2016 gia đình bà L xây nhà và tiến hành giắc móng, ép cọc hai bên lại xảy ra mâu thuẫn. UBND xã M giải quyết và đã ra Thông báo số 73/TB-UBND ngày 14/3/2016 v/v xây dựng trên đất của gia đình bà L và ông C tại thôn N, xã M. Nội dung thông báo: *“Không tiến hành bất cứ hoạt động xây dựng, sửa chữa gì trên phần đất còn tranh chấp, việc xây dựng chỉ được thực hiện khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật”*.

Tháng 7/2016 anh C đã làm đơn khởi kiện gia đình bà L về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất 3,431m² (0,1m x 34,31m); Quá trình Tòa án nhân dân huyện P giải quyết vụ án, ngày 04/8/2016 anh C đã có đơn gửi Tòa án “Đơn xin rút đơn cùng toàn bộ yêu cầu khởi kiện”, nội dung đơn: anh C trình bày “...Do diện tích đất tranh chấp không lớn và để giữ tình cảm tình làng nghĩa xóm nên tôi làm đơn này xin rút đơn khởi kiện và rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của tôi về tranh chấp đất với bà L để giữa tôi với gia đình bà L tự thỏa thuận giải quyết với nhau ở nhà việc tranh chấp đất cát này ”. Ngày 04/8/2016 Tòa án nhân dân huyện P ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 04/QĐST-DS v/v Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự Tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn anh Nguyễn Đình C và bị đơn bà Đình Thị L.

Do có tranh chấp nên toàn bộ nguyên vật liệu xây dựng gia đình bà L đã mua về để xây nhà, gia đình bà phải mua bạt che bảo vệ gồm:

- + 20 cọc ép bê tông (dài 4m, rộng 20cm) là 28.000.000 đồng;
- + 151 cây sắt phi 18, dài 11m8 là 38.656.000 đồng;
- + 350 cây sắt phi 10, dài 11m8 là 24.500.000 đồng;

+15kg dây thép buộc là 300.000 đồng;
+ tiền 02 bạt phủ sắt là 2.200.000 đồng;
Cộng = 93.656.000 đồng.

Gia đình bà L xác định do anh C đã có hành vi trái pháp luật dẫn đến việc gia đình bà không xây được nhà ở theo kế hoạch và gây ra thiệt hại cho gia đình bà. Gia đình bà yêu cầu anh C phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ nguyên vật liệu xây dựng là 93.656.000 đồng. Ngoài ra còn phải thanh toán cho gia đình bà: tiền công giác móng là 7.000.000 đồng + tiền công theo hợp đồng ép cọc bê tông là 13.000.000 đồng + tiền công người trông nom quản lý ngày và đêm là 161.500.000 đồng + tiền tổn thất tinh thần là 94.000.000 đồng. Tổng = 369.156.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi chín triệu một trăm năm sáu nghìn đồng*).

Anh C không nhất trí vì theo anh từ năm 2015 đã xảy ra tranh chấp ranh giới giữa hai gia đình, UBND xã đã tiến hành hòa giải nhưng gia đình bà L đã có ý không hợp tác nên hòa giải không thành. Gia đình bà L cố tình xây nhà giáp ranh giới đất nhà anh và tại vị trí ranh giới đang có tranh chấp là do lỗi của gia đình bà L, anh không có lỗi nên không bồi thường.

Gia đình bà L cho rằng trước khi tiến hành đào móng xây ngôi nhà thứ hai thì ngày 14/3/2016 bà L có “Bản cam kết” gửi UBND xã và ông trưởng thôn N; bà có cam kết xây lùi về phía đất gia đình bà so với mốc giới UBND xã đã xác định tại Biên bản hòa giải ngày 6/1/2016. Gia đình bà xác định đã đào móng nhà trên diện tích đất của gia đình không lấn sang đất của anh C. Để chứng minh điều này, bà L, ông T đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ nơi gia đình ông bà đào móng nhà.

Ngày 30/11/2017 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tiến hành xem xét thực địa tại vị trí gia đình bà L đào móng xây nhà thì thấy: Thửa đất của anh C nằm về phía Tây Bắc của thửa đất gia đình bà L; Tại phần đất tiếp giáp với đất của anh C và sân nhà bà L có 01 bức tường bà L xây lửng dài 2,965m; phía đầu bức tường lửng (góc Tây - Nam) có đóng 01 cọc bằng gỗ cách mép tường lửng bà L xây là 19cm (0,19m) về phía đất nhà anh C.

Theo gia đình bà L và anh C khai thì tại vị trí bức tường lửng bà L xây đã xảy ra tranh chấp và UBND xã đã hoà giải nhiều lần trước khi gia đình bà L đào móng xây nhà. Tại hiện trường gia đình bà L xác định vị trí đào móng nhà cách cọc gỗ 10cm về phía đất của gia đình bà và đúng như yêu cầu của UBND xã trong biên bản lập ngày 6/1/2016. Hội đồng xét xử có xem xét biên bản hòa giải

của UBND xã lập 6/1/2016 thì thấy hai bên gia đình có tranh chấp đều không nhất trí theo hòa giải của UBND xã nên đây là biên bản hòa giải không thành. Trong trường hợp nếu các bên đương sự có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Tháng 7/2016 anh C đã có đơn khởi kiện tranh chấp về ranh giới, tuy nhiên anh C đã rút đơn khởi kiện và Tòa án ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án. Như vậy tranh chấp ranh giới đất giữa hai bên chưa được giải quyết xong.

Vì vậy Hội đồng xét xử xác định phần diện tích đất ranh giới giữa hai gia đình chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết là phần ranh giới tính từ bức tường lửng do gia đình bà L, ông T xây (trừ phần ranh giới nơi gia đình bà L xây ngôi nhà thứ nhất) kéo về phía đường. Như vậy, vị trí gia đình bà L đào móng nhà thuộc phần ranh giới đất đang có tranh chấp.

Lẽ ra trước khi tiến hành đào móng nhà, gia đình bà L cần thống nhất với gia đình anh C về ranh giới đất; bà L cho rằng bà đã có bản cam kết ngày 14/3/2016 gửi UBND xã. Tuy nhiên bản cam kết này không thể coi đó là sự thống nhất của hai bên gia đình được; Bản cam kết có nội dung nhất trí theo biên bản hòa giải 6/1/2016, nhưng biên bản này là Biên bản hòa giải không thành vì không có chữ ký của hai bên tranh chấp. Gia đình bà L vẫn tiến hành đào móng tại vị trí ranh giới đất có tranh chấp nên anh C đã có hành vi cản trở; và UBND xã đã phải ra Thông báo số 73 để yêu cầu gia đình bà L ngừng xây dựng chờ kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền là đúng. Hành vi cản trở của anh C không bị cơ quan có thẩm quyền xem xét và xử phạt nên không thể coi anh C đã có hành vi vi phạm pháp luật làm thiệt hại đến tài sản gia đình bà L, ông T. Thiệt hại về tài sản là nguyên vật liệu, tiền thuê nhân công...của gia đình bà L là do lỗi của gia đình bà gây ra vì đã tiến hành xây dựng trên phần ranh giới đất đang có tranh chấp chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của gia đình bà L là có căn cứ. Vì vậy không đặt ra việc phải định giá tài sản theo yêu cầu của ông T, bà L. Không chấp nhận kháng cáo của ông T, bà L.

Về án phí: Theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T là thương binh và bà L là người cao tuổi thuộc trường hợp “Miễn

nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án”. Vì vậy miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông, bà.

Như phân tích trên căn sửa án sơ thẩm; Do sửa án sơ thẩm nên ông T và bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của BLTTDS: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ các điều 604 BLDS năm 2005; Điều 584 BLDS năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Bác yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị L.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho ông T và bà L.

Hoàn trả ông T, bà L số tiền 9.635.000 đồng (*Chín triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0004744 ngày 15/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Hoàn trả ông T, bà L số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0004799 ngày 01/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- VKSND thành phố Hà Nội
- Tòa án nhân dân huyện P
- Chi cục THADS huyện P
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thu Thiện

